

Mệnh đề (Clause) là một phần của câu, nó có thể bao gồm nhiều từ hay có cấu trúc của cả một câu. Mệnh đề quan hệ dùng để giải thích rõ hơn về danh từ đứng trước nó. Các mệnh đề trong tiếng Anh được nối với nhau bằng các đại từ. Cho nên, đại từ đóng vai trò rất quan trọng.

1. Đại từ quan hệ

Who

* Dùng cho người, đứng sau danh từ chỉ người để làm chủ ngữ hoặc tân ngữ cho động từ đứng sau nó.

Ví dụ:

Who là chủ ngữ của mệnh đề quan hệ:

- Her boyfriend, who was afraid, asked her not to go out.

(Bạn trai cô ấy vì đang hoảng sợ yêu cầu cô không được ra ngoài)

Who là tân ngữ của mệnh đề quan hệ:

- That is the girl who I am looking for.

(Đây là cô gái tôi đang tìm kiếm)

Which

* Là đại từ quan hệ chỉ vật, đứng sau các danh từ chỉ con vật, đồ vật, sự vật, làm chức năng chủ ngữ hoặc tân ngữ cho động từ đứng sau nó.

* Thay thế cho danh từ chỉ vật "sport" và đóng vai trò là tân ngữ trong mệnh đề quan hệ.

Ví dụ:

- This is the sport which I often practice whenever I have free time.

(Đây là môn thể thao mà tôi thường tập luyện mỗi khi có thời gian rỗi)

* Thay thế cho danh từ chỉ vật "shorts" và đóng vai trò là chủ ngữ trong mệnh đề quan hệ. Ví dụ:

- The shorts which is dark – green is mine.

(Chiếc quần sooc màu xanh sẫm là của tôi)

Of which

* Đại từ quan hệ chỉ sở hữu được dùng để chỉ sở hữu cho danh từ chỉ vật đứng trước, không dùng cho người.

Ví dụ:

- The house whose windows = the windows of which are broken is mine.

(Ngôi nhà có cửa sổ bị vỡ là ngôi nhà của tôi)

Whose

* Được dùng khi danh từ đứng sau nó thuộc sở hữu của danh từ đứng trước nó. Chú ý danh từ đi sau whose không có The.

Ví dụ:

- We often do not like people whose ideas are contrary to ours.

(Chúng ta thường không thích những người có ý tưởng khác với chúng ta)

Whom

* Dùng cho người, đứng sau danh từ chỉ người để làm tân ngữ cho động từ đứng sau nó.

Ví dụ:

- She married a man whom she did not know much about.

(Cô ấy lấy người mình không biết rõ lắm)

That

* Đại từ quan hệ chỉ người hoặc vật, đứng trước các danh từ chỉ người, vật, hoặc cả người cả vật để làm chủ ngữ hoặc tân ngữ.

Chú ý:

* "That" có thể dùng để thay thế who, whom, which.

* "That" thường được dùng trong các trường hợp sau:

- Khi mang nghĩa so sánh hơn nhất, số thứ tự: the most, the last/only/ first person...

- Khi đi sau: all, same, any, only, none, little.... và đôi khi sau It is/ It was - Khi là các đại từ bất định: no one, nobody, nothing, something, somebody, someone, anybody, anyone, anything, everything - Khi danh từ đứng trước bao gồm cả người lẫn vật.

Ví dụ:

- The firemen managed to rescue the old lady and her cat that were stuck in the house.

(Người lính cứu hỏa cố gắng cứu cả bà cụ và con mèo của bà đang bị kẹt trong ngôi nhà)

2. Trạng từ quan hệ

When (in/on which)

* Là trạng từ quan hệ chỉ thời gian được dùng để bổ nghĩa cho danh từ chỉ thời gian đứng trước nó.

Ví dụ:

- I still remember the day when = on which we first met.

(Em vẫn nhớ ngày đầu tiên chúng ta gặp nhau)

Where (in/at which)

* Là trạng từ quan hệ chỉ nơi chốn được dùng để bổ nghĩa cho danh từ chỉ nơi chốn đứng trước nó.

Ví dụ:

- This is the city where = in which I was born.

(Đây là thành phố nơi tôi đã sinh ra)

Why (for which)

* Là trạng từ quan hệ chỉ lý do, thường theo sau bổ nghĩa cho danh từ "the reason".

Ví dụ:

- That isn't the reason why they were late.

(Đó là lý do tại sao họ lại đến muộn)

2. Những lưu ý khi dùng đại từ quan hệ (Who ,Which ,Whom....)

Khi nào dùng dấu phẩy?

Khi danh từ đứng trước who, which, whom... là:

* Danh từ riêng, tên:

Ví dụ: Ha Noi, which..., Mary, who is...

* Có this, that, these, those đứng trước danh từ:

Ví dụ:

- This book, which...

* Có sở hữu đứng trước danh từ:

Ví dụ:

- My mother, who is...

* Là vật duy nhất ai cũng biết: Sun (mặt trời), moon (mặt trăng),...

Ví dụ:

- The Sun, which...

Đặt dấu phẩy ở đâu?

* Nếu mệnh đề quan hệ ở giữa thì dùng 2 dấu phẩy đặt ở đầu và cuối mệnh đề

Ví dụ:

- My mother, who is a cook, cooks very well

(Mẹ tôi, người nấu ăn, nấu ăn rất giỏi)

* Nếu mệnh đề quan hệ ở cuối thì dùng một dấu phẩy đặt ở đầu mệnh đề ,cuối mệnh đề dùng dấu chấm

Ví dụ:

- This is my mother, who is a cook.

(Đây là mẹ tôi, người nấu ăn)

Khi nào có thể lược bỏ đại từ quan hệ Who, Which, Whom...?

* Khi nó làm túc từ và phía trước nó không có dấu phẩy, không có giới từ (whose không được bỏ)

Ví dụ:

- This is the book which I buy.

Ta thấy which là túc từ (chủ từ là I, động từ là buy), phía trước không có phẩy hay giới từ gì cả nên có thể bỏ which đi:

-> This is the book I buy.

Ví dụ:

- This is my book, which I bought 2 years ago.

(Trước chữ which có dấu phẩy nên không thể bỏ được)

- This is the house in which I live.

(Trước which có giới từ in nên cũng không bỏ which được)

- This is the man who lives near my house.

(Who là chủ từ (của động từ lives) nên không thể bỏ nó được)

Khi nào KHÔNG ĐƯỢC dùng That?

* Khi phía trước nó có dấu phẩy hoặc giới từ:

Ví dụ:

- This is my book, that I bought 2 years ago.

(SAI vì phía trước có dấu phẩy - phải dùng which)

- This is the house in that I live.

(SAI vì phía trước có giới từ in - phải dùng which)

Khi nào bắt buộc dùng That?

* Khi danh từ mà nó thay thế gồm 2 danh từ trở lên trong đó vừa có người vừa có vật

Ví dụ:

- The man and his dog that.

(That thay thế cho người và chó)